

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ TRONG ĐỐI NGOẠI, ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM HIỆN NAY

✍ NGUYỄN HỮU TÀI*

Ngày nhận: 04/01/2022

Ngày phản biện: 20/01/2022

Ngày duyệt đăng: 15/02/2022

Tóm tắt: Độc lập, tự chủ là tư duy nổi bật, nhất quán trong toàn bộ hoạt động chính trị của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Nguyên lý chủ yếu của tư tưởng đó là “muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”. Giữ vững độc lập, tự chủ vừa là đường lối, vừa là nguyên tắc bất biến để bảo vệ tốt nhất lợi ích quốc gia - dân tộc. Tiếp tục vận dụng tư tưởng cốt lõi của Hồ Chí Minh về độc lập, tự chủ trong đối ngoại, đoàn kết quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có nhiều đổi mới, bổ sung về đường lối đối ngoại nhằm xây dựng nền ngoại giao độc lập, tự chủ phù hợp với sức mạnh nội sinh dân tộc và tình hình thế giới hiện nay.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập, tự chủ; đối ngoại; vận dụng.

APPLICATION OF HO CHI MINH CITY'S INDEPENDENCE ON INDEPENDENCE, AUTOMATICITY IN FOREIGN PARTY AND INTERNATIONAL UNITY OF THE VIETNAMESE COMPANY

Abstract: Independence and self-control are prominent and consistent thinking in all political activities of Nguyen Ai Quoc - Ho Chi Minh. The main principle of that thought is “If you want people to help you, you must first help yourself”. Maintaining independence and self-reliance is both a way and an immutable principle to best protect the interests of the nation - nation. Continuing to apply Ho Chi Minh's core ideology on independence, self-reliance in foreign affairs and international solidarity, the Communist Party of Vietnam has made many innovations and supplements in foreign policy in order to build a foreign country independence and self-reliance in line with the nation's endogenous strength and the current world situation.

Keywords: Ho Chi Minh's thought; independence, sovereignty; foreign affairs, solidarity; manipulate.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập, tự chủ trong đối ngoại, đoàn kết quốc tế

Tư tưởng độc lập, tự chủ ở Hồ Chí Minh, xuất hiện từ sớm và thể hiện qua tư duy độc lập, nhạy cảm về chính trị qua những kiến giải mới mẻ về bản chất cuộc khủng hoảng cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX, trong phân tích, phát hiện những giá trị tốt đẹp của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa dân tộc truyền thống, sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc; trong nhận thức mới về yêu cầu, nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta. Nhờ có tư duy độc lập và sự mẫn cảm về chính trị, Người nhận thấy con đường của các nhà yêu nước tiền bối là cũ kỹ, lỗi thời, cần phải tìm con đường giải phóng mới đáp ứng yêu cầu của lịch sử. Đó là con đường cách mạng Việt Nam được xây dựng trên một nền tảng tư tưởng chính trị mới, trên cơ sở thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước và xu thế cách mạng thế giới - đảm bảo cho công cuộc giải phóng dân tộc thành công, mở đường cho xây dựng một

chế độ xã hội mới ở nước ta.

Trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh luôn vững tin về sức mạnh của nhân dân Việt Nam - chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa dân tộc truyền thống “đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến” [2, tr.28]; sự đoàn kết toàn dân là lực lượng cơ bản, quyết định thắng lợi của công cuộc giải phóng dân tộc. Mặt khác, về khách quan, lúc này trên phạm vi thế giới, nhu cầu về đoàn kết giữa các dân tộc thuộc địa chống chủ nghĩa thực dân đó được đặt ra. Hai nhân tố trên là cơ sở hình thành quan điểm mới về đoàn kết, hợp tác quốc tế ở Nguyễn Ái Quốc.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đối ngoại, đoàn kết quốc tế, phải quán triệt quan điểm độc lập tự chủ. Người giải thích: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào” [5, tr.136]. Điều đó cũng

* Trường Đại học Chính Trị, Bộ Quốc phòng

có nghĩa là, dân tộc Việt Nam phải tự mình hoạch định đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại, “phải vạch rõ những phương pháp và những biện pháp của riêng mình”. Đường lối đó phải phục vụ lợi ích quốc gia như: độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, tự do, hạnh phúc cho nhân dân - như Người từng căn dặn cán bộ “muốn làm gì cũng cần vì lợi ích của dân tộc mà làm” [9, tr.112]. Đó chính là độc lập tự chủ trong hoạch định đường lối, chủ trương đối ngoại theo quan điểm Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, xuất phát từ quan điểm: “Nước ta là một bộ phận của thế giới. Tình hình của nước ta có ảnh hưởng đến thế giới, mà tình hình thế giới cũng có quan hệ đến nước ta” [7, tr.173], Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, không thể hạn chế những hoạt động đó trong khuôn khổ dân tộc thuần túy, bởi những hoạt động đó “có muôn ngàn sợi dây liên hệ” với cuộc đấu tranh chung của thế giới tiến bộ. Vì vậy, mục tiêu và nhiệm vụ đối ngoại của một quốc gia dân tộc phải vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ từ thực tiễn trong nước, lại vừa phải phù hợp với đặc điểm và xu thế quốc tế đương đại.

Khi nhấn mạnh yêu cầu độc lập tự chủ trong hoạch định đường lối đối nội và đối ngoại của quốc gia, Hồ Chí Minh cũng cảnh báo hai khuynh hướng cần phải tránh: 1) nếu “không chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình trong khi học tập kinh nghiệm của các nước anh em, là sai lầm nghiêm trọng, là phạm chủ nghĩa giáo điều”; 2) “nếu quá nhấn mạnh đặc điểm dân tộc để phủ nhận giá trị phổ biến của những kinh nghiệm lớn, cơ bản của các nước anh em, thì sẽ mắc sai lầm nghiêm trọng của chủ nghĩa xét lại” [8, tr.499].

Độc lập tự chủ còn được thể hiện qua bản lĩnh và ý chí đấu tranh của nhân dân Việt Nam nhằm khẳng định quyền được hưởng tự do và độc lập trong quan hệ chính trị quốc tế. Ngày 2-9-1945, qua *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập” [4, tr.126]. Và, cũng thông qua *Tuyên ngôn độc lập*, Người tuyên bố với thế giới về đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở của nước Việt Nam trong quan hệ chính trị quốc tế.

Giữ vững mục tiêu và nguyên tắc, đồng thời sẵn sàng thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập tự chủ trong đối ngoại, đoàn kết quốc tế.

Với trong nước, theo tư tưởng của Người: “muốn ngoại giao được thắng lợi là phải biểu dương thực lực”. Thực lực chính là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, là sự ổn định về chính trị - xã hội, là

sức mạnh về kinh tế, chính trị, quân sự và văn hoá của đất nước. Hồ Chí Minh nhấn mạnh vấn đề quan trọng hàng đầu tạo cơ sở cho đoàn kết, hợp tác quốc tế là phải làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ về đất nước và con người Việt Nam “Để tổ cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh”; “dân Việt Nam ta đủ tư cách độc lập, tự do”.

Trong mối quan hệ dân tộc và quốc tế, Hồ Chí Minh không tuyệt đối hoá yếu tố khách quan - yếu tố quốc tế (tránh được sự rập khuôn, máy móc, sự y lại bên ngoài); đồng thời Người cũng không tuyệt đối hoá yếu tố chủ quan - yếu tố dân tộc (tránh được sự biệt lập, cô lập). Người coi yếu tố quốc tế có ý nghĩa quan trọng cho thắng lợi của cách mạng; nhưng yếu tố độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường luôn giữ vai trò quyết định mọi thắng lợi. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập, tự chủ luôn là nền tảng vững chắc để đoàn kết, tập hợp các lực lượng quốc tế ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam một cách hiệu quả nhất. Cũng tức là, muốn đoàn kết, hợp tác quốc tế hiệu quả, bền vững phải có thực lực làm cơ sở - sức mạnh nội lực, là nhân tố quyết định sự thành công của đoàn kết, hợp tác quốc tế. Hồ Chí Minh từng nói: “Phải trông ở thực lực. Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn” [4, tr.126]... Như thế, trong mối quan hệ trên, độc lập tự chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh là sự khẳng định sức mạnh nội lực, sự tự cường của quốc gia dân tộc - nhân tố quyết định trong quan hệ chính trị quốc tế.

Với bên ngoài, Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên xác định và thực thi quan điểm gắn cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, theo phương châm “Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả” [3, tr.301]. Việc gắn cách mạng Việt Nam thành một bộ phận của trào lưu cách mạng thế giới, vừa tạo cơ sở để xây dựng quan hệ hữu nghị và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế, vừa thể hiện ý thức trách nhiệm của nhân dân Việt Nam đối với phong trào cách mạng thế giới.

Sẵn sàng mở rộng cửa trong quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế, nhưng phải trên nền tảng độc lập tự chủ, Hồ Chí Minh thường căn dặn cán bộ giữ vững lập trường, nguyên tắc, giữ vững chiến lược, theo tinh thần: “Mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì phải linh hoạt” [7, tr.319]; Người còn chỉ rõ: “sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng, nhưng không được y lại, không được ngồi mong chờ người khác. Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ

ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập” [6, tr.522].

Nhờ kiên trì và nhất quán thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hữu nghị với các nước theo quan điểm Hồ Chí Minh, trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (1946-1954), Việt Nam đã tranh thủ được sự ủng hộ của phong trào nhân dân thế giới đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi; qua đó nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược (1954-1975), mặc dù diễn ra sự bất đồng sâu sắc giữa Liên Xô với Trung Quốc về đường lối quốc tế và cả về đường lối kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam, nhưng nhờ kiên trì thực hiện chủ trương giữ vững quan điểm độc lập tự chủ trong đoàn kết hữu nghị với cả Liên Xô và Trung Quốc, mà cách mạng Việt Nam đã tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ của cả hai nước lớn XHCN.

Cũng trên cơ sở độc lập, tự chủ và đề cao chính nghĩa của cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, chúng ta đã khai thác được triệt để mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ với các đồng minh của Mỹ; giữa phái chủ chiến với phái chủ hòa, giữa các tập đoàn có lợi ích khác nhau trong giới cầm quyền Mỹ; giữa Mỹ với các nước phụ thuộc, giữa Mỹ với chính quyền tay sai; giữa nhà cầm quyền Mỹ với các tầng lớp nhân dân Mỹ; đồng thời, ta cũng tranh thủ sự đồng tình của các lực lượng tiến bộ khác. Từ đó, cách mạng Việt Nam đã xây dựng được một mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết và ủng hộ nhân dân ta chống Mỹ xâm lược.

Thực tế lịch sử cho thấy, giữ vững độc lập tự chủ trong đối ngoại, đoàn kết quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã tranh thủ và phát huy được sức mạnh của thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giải phóng đất nước, giành độc lập, thống nhất Tổ quốc.

2. Vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng nền ngoại giao độc lập, tự chủ hiện nay

Vận dụng tư tưởng độc lập, tự chủ trong đối ngoại, đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tại Đại hội XIII Đảng ta khẳng định chính sách đối ngoại của Việt Nam trong thời gian tới được triển khai một cách toàn diện là: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình

đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” [1, tr.161-162].

Đảng ta cũng chỉ ra nguyên tắc chỉ đạo trong việc thực hiện chính sách đối ngoại là “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”; “đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương” và “kiên quyết, kiên trì đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị đất nước” [1, tr.162-163].

Để xây dựng nền ngoại giao độc lập, tự chủ trong đối ngoại, đoàn kết quốc tế phù hợp với sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, Đại hội XIII nhấn mạnh một số nét mới trong nhiệm vụ đối ngoại giai đoạn tới, cụ thể:

Thứ nhất, Đảng ta nhấn mạnh và đặt vấn đề “lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [1, tr.162-163] là mục tiêu cao nhất của hoạt động đối ngoại. Vấn đề lợi ích quốc gia - dân tộc không phải là mới trong các văn kiện của Đảng, nhưng thuật ngữ này lần đầu tiên được chính thức sử dụng trong Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị ngày 13/5/1988.

Trong đối ngoại, đây chính là mục tiêu tối thượng, xuyên suốt, “bất biến” vì đơn giản là “không có kẻ thù vĩnh viễn, không có đồng minh vĩnh viễn, chỉ có lợi ích quốc gia là vĩnh viễn”. Sự khẳng định này không phải ngẫu nhiên, mà gắn liền với nhận thức và phát triển tư duy của Đảng ta về tình hình quốc tế, về quan hệ đối tác và đối tượng, về mục đích và phương châm đối ngoại. Cụ thể Đảng ta yêu cầu: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, đảm bảo độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia” [1, tr.164]. Việc xác định lợi ích quốc gia - dân tộc và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc của đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới được coi là yêu cầu hàng đầu và là kim chỉ nam trong hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đồng thời là một trong những mục tiêu then chốt của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, Đảng ta nhấn mạnh cả đối ngoại song phương và ngoại giao đa phương. Với đối ngoại song phương, chủ trương là tiếp tục “chú trọng” và “làm sâu sắc” các mối quan hệ, trong đó thứ tự ưu tiên vẫn là các nước láng giềng, các đối tác chiến lược và

đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong ASEAN được củng cố. Cho đến nay, chúng ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 nước/193 quốc gia thành viên của Liên hợp quốc, có quan hệ kinh tế - thương mại với hơn 230 nước và vùng lãnh thổ. Việt Nam cũng đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 17 nước và đối tác toàn diện với 13 nước.

Với ngoại giao đa phương, ta chủ trương là “chủ động” và “tích cực” với thứ tự ưu tiên là ASEAN, Liên hợp quốc, EU, APEC, ASEM, Francophonie (Tổ chức Quốc tế các Quốc gia nói tiếng Pháp), NAM (Phong trào Không liên kết), các cơ chế hợp tác Tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS) và các cơ chế khác có tầm quan trọng chiến lược.

Thứ ba, Đảng ta cũng nhấn mạnh hơn chủ trương “nâng tầm đối ngoại đa phương”. Mặc dù ngày 8/8/2018 Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 25-CT/TW “Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030”, song đây là lần đầu tiên vấn đề này được đưa vào trong văn kiện Đại hội Đảng.

Tuy đa phương hóa quan hệ quốc tế là một chủ trương lớn về đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong 35 năm Đổi mới, nhưng chúng ta chưa nhận thức và chú ý nhiệm vụ này một cách thỏa đáng. Trong bối cảnh gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các cơ chế đa phương là kênh đối ngoại hiệu quả nhất để tập hợp lực lượng và tiếng nói của các nước nhỏ. Do vậy, đối với nước ta, đối ngoại đa phương ngày càng đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. Văn kiện yêu cầu: “Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Kông và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế” [1, tr.162]. Như vậy, giữ vững độc lập, tự chủ không chỉ bao gồm việc khắc phục sự lệ thuộc, chống sự áp đặt, lôi kéo, chi phối mà còn là nêu cao và phát huy tính chủ động trong việc tham gia vào các công việc chung của cộng đồng khu vực và quốc tế. Theo đó, để giữ được độc lập, tự chủ trong đối ngoại, hội nhập, chúng ta phải có tầm nhìn chiến lược, khả năng bao quát và dự liệu cả cơ hội và nguy cơ, đồng thời luôn chủ động, tích cực tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế, đề xuất sáng kiến, đóng góp tích cực vào quá trình xây dựng thể chế và kiến trúc điều tiết quan hệ quốc tế.

Thứ tư, liên quan đến các vấn đề Biển Đông, nếu như Văn kiện Đại hội XII chỉ nói chung là “giải quyết các vấn đề trên biển”, mà không đề cập một

cách cụ thể, thì Văn kiện Đại hội XIII trình bày cụ thể hơn về phạm vi, cách tiếp cận và phương thức, như: “giải quyết các vấn đề trên biển, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên biển trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982” [1, tr.163]. Đồng thời để góp phần bảo vệ vững chắc độc lập Tổ quốc, Văn kiện cũng chỉ rõ: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ” [1, tr.163].

Thứ năm, ba trụ cột ngoại giao của Việt Nam được Đảng ta chỉ rõ trong Văn kiện Đại hội XIII là “đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân” [1, tr.162]. Đây là lần đầu tiên nội dung này được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIII. Nếu nhìn nền ngoại giao Việt Nam như một mặt trận thống nhất, với các loại hình ngoại giao khác nhau từ chính trị, quốc phòng, nghị viện, văn hóa, kinh tế, thì sẽ thấy các loại hình ngoại giao này không chỉ có sự tham gia của các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, mà của cả các đoàn thể, các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân. Đó là nền ngoại giao nhân dân, có truyền thống hàng nghìn năm trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, nền ngoại giao hiện đại Việt Nam trong chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa, dù có cách gọi khác nhau và các kênh đối ngoại khác nhau, song mọi hoạt động đối ngoại đều đặt dưới “sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước” [1, tr.162]. Vì vậy, việc nhấn mạnh ba kênh ngoại giao trên không chỉ đề cao vị thế và vai trò của từng kênh, mà còn khẳng định sự thống nhất về lãnh đạo, mục đích và mục tiêu hoạt động của ngoại giao Việt Nam.

Thứ sáu, Đảng ta còn nhấn mạnh đến việc xây dựng một nền ngoại giao toàn diện và hiện đại, trong đó chú trọng tới việc xây dựng đội ngũ cán bộ đối ngoại “có bản lĩnh, phẩm chất, năng lực, phong cách chuyên nghiệp” [1, tr.165]; “đổi mới sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế” [1, tr.165]. Xây dựng nền ngoại giao toàn diện và hiện đại là để đáp ứng với sự phát triển, phù hợp với vị thế trên trường quốc tế và tương xứng với hoạt động ngoại giao được nâng tầm cả trong hoạt động song phương và đa phương của nước ta trong giai đoạn hiện nay và lâu dài.

Tư tưởng độc lập, tự chủ là tư duy nổi bật, nhất quán trong toàn bộ hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh. Giữ vững độc lập, tự chủ vừa là đường lối, vừa là nguyên tắc bất biến để bảo vệ tốt nhất lợi ích

quốc gia, dân tộc. Đó chính là kết tinh của sự nghiệp đối ngoại thời đại Hồ Chí Minh. Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, tinh thần độc lập, tự chủ đã được thể hiện trong những văn kiện đầu tiên của Đảng và cho đến Văn kiện Đại hội XIII Đảng ta tiếp tục bổ sung, phát triển hoàn thiện hơn để xây dựng nền ngoại giao độc lập, tự chủ phù hợp với tình hình hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
9. Nguyễn Duy Niên (2002), *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH TRÊN BIỂN...

(Tiếp theo trang 39)

quan trước mỗi quốc gia. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó Đông Nam Á có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng, là khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hoà bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. ASEAN có vai trò quan trọng trong duy trì hoà bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác khu vực nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn. Nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo, bảo vệ Tổ quốc cũng đặt ra những yêu cầu cao hơn, phát huy giá trị của Đường Hồ Chí Minh trên biển, dưới sự sự lãnh đạo của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Quân đội nhân dân Việt Nam, trực tiếp là Quân chủng Hải quân tiếp tục là lực lượng nòng cốt bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới. □

Tài liệu tham khảo

- ¹ Văn kiện Đảng toàn tập, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội - 2002, tr.82.
- ² Văn kiện Đảng toàn tập, tập 22, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội - 2002, tr.158.

PHÁT HUY NỘI LỰC VÀ...

(Tiếp theo trang 5)

cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm nhiệm vụ của dân tộc và của thời đại.

Năm là, để phát huy nội lực, trước hết, chúng ta phải phát huy sức mạnh của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm để “xóa đói, giảm nghèo”, xóa bỏ hết bần hàn, lạc hậu.

Sáu là, phát triển giáo dục là một trong những giải pháp quan trọng để tăng cường sức mạnh của nội lực. Phải giáo dục con người có phong cách tư duy độc lập, tự chủ, có tinh thần tự học và lấy tự học “làm cốt”. Do đó, việc đổi mới giáo dục ở nước ta phải hướng tới nền giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Cũng phải phát huy dân chủ để mỗi người dám nói lên sự thật, chính kiến thật và hào hứng đưa ra sáng kiến của mình để xây dựng đất nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy nội lực và tranh thủ ngoại lực trong phát triển đất nước có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, chỉ đạo sự nghiệp

xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trở thành cơ sở, nền tảng tư tưởng đặc biệt quan trọng để Đảng đổi mới tư duy lý luận, nắm bắt thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, hoạch định đường lối đổi mới tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới trong các giai đoạn cách mạng. Nhờ đó, Việt Nam đã có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín trong nhân dân, uy tín quốc tế như ngày nay. □

Tài liệu tham khảo

1. Ban tuyên giáo trung ương (2021), *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*, Tài liệu học tập chuyên đề năm 2021.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I,II, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 2, 3, 4, 5, 7, 10.
4. Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. TS. Vũ Việt Mỹ (2002), *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.